

NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP.HCM
HCMC DEVELOPMENT J. S COMMERCIAL BANK

Số: **113** /2024/CV-HDBank

V/v: Công bố báo cáo định kỳ tình hình thanh toán gốc,
lãi trái phiếu doanh nghiệp (kỳ báo cáo 01/01/2024 –
31/12/2024)

*Announcement on the periodic report on corporate
bond's principal and interest payments (reporting period
January 01st, 2024 – December 31st, 2024)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence – Freedom - Happiness

Tp. Hồ Chí Minh, ngày **17** tháng 01 năm 2025

*Ho Chi Minh City, January **17**, 2025*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDK TP.HCM**
**DISCLOSURE OF INFORMATION ON WEB PORTALS OF
THE STATE SECURITIES COMMISSION AND HO CHI MINH CITY STOCK EXCHANGE**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
To: **State Securities Commission**
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
Ho Chi Minh City Stock Exchange

- | | |
|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| - Tên tổ chức | : NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP.HCM (HDBANK) |
| - Name of organization | : Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank |
| - Mã chứng khoán | : HDB |
| - Securities code | : HDB |
| - Địa chỉ trụ sở chính | : 25 bis Nguyễn Thị Minh Khai, P. Bến Nghé, Q. 1, Tp.HCM |
| - Head office address | : 25 Bis Nguyen Thi Minh Khai, Ben Nghe Ward, District 1, HCMC |
| - Điện thoại | : (028) 62 915 916 |
| - Telephone | : (028) 62 915 916 |
| - Người được ủy quyền công bố thông tin | : Phạm Văn Đầu – Giám đốc Tài chính |
| - Authorized person to disclose information | : Pham Van Dau – Chief Financial Officer |
| - Loại thông tin công bố | : (X) Định kỳ |
| - Type of disclosed information | : (X) Periodic |

Nội dung công bố thông tin:

Contents of disclosed information:

Thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin của công ty niêm yết theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM (HDBank) công bố Báo cáo định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp số 94/2025/CV-HDB ngày 17/01/2025 (kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024).

In compliance with the obligation of reporting and information disclosure of listed companies in accordance with Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16/11/2020 of the Ministry of Finance on information disclosure activities for businesses in the securities market, Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank (HDBank) announces the Periodic report No. 95/2025/CV-HDB dated January 17, 2025 on corporate bond's principal and interest payments (reporting period from 01/01/2024 to 31/12/2024).

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của HDBank từ ngày 17/01/2025 tại đường dẫn:


This information will be published on HDBank's website from January 17, 2025 at:

Đường dẫn tiếng Việt: <https://www.hdbank.com.vn/vi/investor/thong-tin-nha-dau-tu/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin-thong-tin-khac>

English Link: <https://www.hdbank.com.vn/en/investor/thong-tin-nha-dau-tu/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin-thong-tin-khac>



HDBank đính kèm Báo cáo nêu trên và cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

HDBank attaches the above mentioned Report and commits that the information stated above is true and takes full responsibilities legally for the contents of the information disclosed. 

Nơi nhận:

Recipients:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- State Securities Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM
- Ho Chi Minh City Stock Exchange
- Lưu: Văn thư
- Filed: BOD's Secretary

NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP.HCM
HCMC DEVELOPMENT J.S.COMMERCIAL BANK



PHẠM VĂN ĐẦU



NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP.HCM
HO CHI MINH CITY DEVELOPMENT JOIN STOCK
COMMERCIAL BANK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số: 94./2025/CV-HDB

No: 94./2025/CV-HDB

TP.HCM, ngày 14. tháng 01 năm 2025.

HCM City, 14 January 2025

BÁO CÁO
ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH THANH TOÁN GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP
PERIODIC REPORT ON CORPORATE BOND'S PRINCIPAL AND INTEREST PAYMENTS

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To:

- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

I. Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu/Report on bond principal and interest payments
(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024/Reporting period from 01/01/2024 to 31/12/2024)

TT No	Mã Trái phiếu Bond code	Kỳ hạn/ Period	Ngày phát hành/ Issue date	Ngày đáo hạn Maturity	Số dư đầu kỳ/ Opening balance (VND)		Thanh toán trong kỳ/ Payment during the period (VND)		Dư nợ cuối kỳ/ Closing balance (VND)	
					Gốc Principal	Lãi Interest	Gốc Principal	Lãi Interest	Gốc Principal	Lãi Interest
1	HDBC7Y202301 (Mã CK: HDB124006)	7 năm 7 years	27/03/2024	27/03/2031	3.000.000.000.000	0	0	0	3.000.000.000.000	0
2	HDBC7Y202302 (Mã CK: HDB124018)	7 năm 7 years	07/08/2024	07/08/2031	1.000.000.000.000	0	0	0	1.000.000.000.000	0



3	HDBC7Y202303 (Mã CK: HDB124023)	7 năm 7 years	30/10/2024	30/10/2031	1.000.000.000.000	0	0	0	1.000.000.000.000	0
---	------------------------------------	------------------	------------	------------	-------------------	---	---	---	-------------------	---

Ghi chú: Trường hợp không thanh toán được, nêu rõ lý do

Note: In case of default, state the reasons

II. Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu theo nhà đầu tư/Report on bond ownership according to the type of investors

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024/Reporting period from 01/01/2024 to 31/12/2024)

1. HDBC7Y202301 (Mã CK: HDB124006)

Loại Nhà đầu tư Type of investors	Dư nợ đầu kỳ Opening balance		Thay đổi trong kỳ Changes during the period		Dư nợ cuối kỳ Closing balance	
	Giá trị (VND) Value (VND)	Tỷ trọng Percentage	Giá trị (VND) Value (VND)	Tỷ trọng Percentage	Giá trị (VND) Value (VND)	Tỷ trọng Percentage
I. Nhà đầu tư trong nước/Domestic investors	2,970,000,000,000	99.00%	10,869,200,000	0.37%	2,980,869,200,000	99.36%
1. Nhà đầu tư có tổ chức/Institutional investors	2,654,750,000,000	88.49%	2,355,000,000	0.09%	2,657,105,000,000	88.57%
a) Tổ chức tín dụng*/Credit institutions	450,000,000,000	16.95%	(78,000,000,000)	(17.33%)	372,000,000,000	14.00%
b) Quỹ đầu tư /Investment funds	328,000,000,000	12.36%	138,000,000,000	(42.07%)	466,000,000,000	17.54%
c) Công ty chứng khoán/Securities companies	945,000,000,000	35.60%	(560,000,000,000)	(59.26%)	385,000,000,000	14.49%
d) Công ty Bảo hiểm/Insurance companies	372,000,000,000	14.01%	100,000,000,000	26.88%	472,000,000,000	17.76%
đ) Các tổ chức khác/Other organisations	559,750,000,000	21.08%	402,355,000,000	71.88%	962,105,000,000	36.21%
2. Nhà đầu tư cá nhân/Individual investors	315,250,000,000	10.51%	8,514,200,000	2.70%	323,764,200,000	10.79%
II. Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign investors	30,000,000,000	1.00%	(10,869,200,000)	(36.23%)	19,130,800,000	0.64%

Loại Nhà đầu tư <i>Type of investors</i>	Dư nợ đầu kỳ <i>Opening balance</i>		Thay đổi trong kỳ <i>Changes during the period</i>		Dư nợ cuối kỳ <i>Closing balance</i>	
	Giá trị (VND) <i>Value (VND)</i>	Tỷ trọng <i>Percentage</i>	Giá trị (VND) <i>Value (VND)</i>	Tỷ trọng <i>Percentage</i>	Giá trị (VND) <i>Value (VND)</i>	Tỷ trọng <i>Percentage</i>
1. Nhà đầu tư có tổ chức/ <i>Institutional investors</i>	30,000,000,000	1.00%	(23,449,200,000)	(78.16%)	6,550,800,000	0.22%
a) Tổ chức tín dụng/ <i>Credit institutions</i>						
b) Quỹ đầu tư/ <i>Investment funds</i>						
c) Công ty chứng khoán/ <i>Securities companies</i>	30,000,000,000	100.00%	(23,449,200,000)	(78.16%)	6,550,800,000	100.00%
d) Công ty Bảo hiểm/ <i>Insurance companies</i>						
đ) Các tổ chức khác/ <i>Other organisations</i>						
2. Nhà đầu tư cá nhân/ <i>Individual investors</i>	-	-	12,580,000,000	-	12,580,000,000	0.42%
Tổng/Total	3,000,000,000,000	100.00%	0	0.00%	3,000,000,000,000	100.00%

2. HDBC7Y202302 (Mã CK: HDB124018)

Loại Nhà đầu tư <i>Type of investors</i>	Dư nợ đầu kỳ <i>Opening balance</i>		Thay đổi trong kỳ <i>Changes during the period</i>		Dư nợ cuối kỳ <i>Closing balance</i>	
	Giá trị (VND) <i>Value (VND)</i>	Tỷ trọng <i>Percentage</i>	Giá trị (VND) <i>Value (VND)</i>	Tỷ trọng <i>Percentage</i>	Giá trị (VND) <i>Value (VND)</i>	Tỷ trọng <i>Percentage</i>
I. Nhà đầu tư trong nước/<i>Domestic investors</i>	976,854,600,000	97.69%	23,145,400,000	2.37%	1,000,000,000,000	100.00%

Loại Nhà đầu tư <i>Type of investors</i>	Dư nợ đầu kỳ <i>Opening balance</i>		Thay đổi trong kỳ <i>Changes during the period</i>		Dư nợ cuối kỳ <i>Closing balance</i>	
	Giá trị (VND) <i>Value (VND)</i>	Tỷ trọng <i>Percentage</i>	Giá trị (VND) <i>Value (VND)</i>	Tỷ trọng <i>Percentage</i>	Giá trị (VND) <i>Value (VND)</i>	Tỷ trọng <i>Percentage</i>
1. Nhà đầu tư có tổ chức/ <i>Institutional investors</i>	924,896,300,000	92.49%	23,145,400,000	2.50%	948,041,700,000	94.80%
a) Tổ chức tín dụng*/ <i>Credit institutions</i>						
b) Quỹ đầu tư / <i>Investment funds</i>	449,025,800,000	48.55%	(104,216,800,000)	(23.21%)	344,809,000,000	36.37%
c) Công ty chứng khoán/ <i>Securities companies</i>	277,745,500,000	30.03%	(123,727,400,000)	(44.55%)	154,018,100,000	16.25%
d) Công ty Bảo hiểm/ <i>Insurance companies</i>	92,581,800,000	10.01%	51,089,600,000	55.18%	143,671,400,000	15.15%
đ) Các tổ chức khác/ <i>Other organisations</i>	105,543,200,000	11.41%	200,000,000,000	189.50%	305,543,200,000	32.23%
2. Nhà đầu tư cá nhân/ <i>Individual investors</i>	51,958,300,000	5.20%	-	-	51,958,300,000	5.20%
II. Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investors</i>	23,145,400,000	2.31%	(23,145,400,000)	(100.00%)	-	-
1. Nhà đầu tư có tổ chức/ <i>Institutional investors</i>	23,145,400,000	2.31%	(23,145,400,000)	(100.00%)	-	-
a) Tổ chức tín dụng/ <i>Credit institutions</i>						
b) Quỹ đầu tư/ <i>Investment funds</i>						

Loại Nhà đầu tư <i>Type of investors</i>	Dư nợ đầu kỳ <i>Opening balance</i>		Thay đổi trong kỳ <i>Changes during the period</i>		Dư nợ cuối kỳ <i>Closing balance</i>	
	Giá trị (VND) <i>Value (VND)</i>	Tỷ trọng <i>Percentage</i>	Giá trị (VND) <i>Value (VND)</i>	Tỷ trọng <i>Percentage</i>	Giá trị (VND) <i>Value (VND)</i>	Tỷ trọng <i>Percentage</i>
c) Công ty chứng khoán/ <i>Securities companies</i>	23,145,400,000	100.00%	(23,145,400,000)	(100.00%)	-	-
d) Công ty Bảo hiểm/ <i>Insurance companies</i>						
đ) Các tổ chức khác/ <i>Other organisations</i>						
2. Nhà đầu tư cá nhân/ <i>Individual investors</i>						
Tổng/Total	1,000,000,000,000	100.00%	0	0.00%	1,000,000,000,000	100.00%

3. HDBC7Y202303 (Mã CK: HDB124023)

Loại Nhà đầu tư <i>Type of investors</i>	Dư nợ đầu kỳ <i>Opening balance</i>		Thay đổi trong kỳ <i>Changes during the period</i>		Dư nợ cuối kỳ <i>Closing balance</i>	
	Giá trị (VND) <i>Value (VND)</i>	Tỷ trọng <i>Percentage</i>	Giá trị (VND) <i>Value (VND)</i>	Tỷ trọng <i>Percentage</i>	Giá trị (VND) <i>Value (VND)</i>	Tỷ trọng <i>Percentage</i>
I. Nhà đầu tư trong nước/<i>Domestic investors</i>	1,000,000,000,000	100.00%	-	-	1,000,000,000,000	100.00%
1. Nhà đầu tư có tổ chức/ <i>Institutional investors</i>	961,202,000,000	96.12%	-	-	961,202,000,000	96.12%
a) Tổ chức tín dụng*/ <i>Credit institutions</i>						

Loại Nhà đầu tư <i>Type of investors</i>	Dư nợ đầu kỳ <i>Opening balance</i>		Thay đổi trong kỳ <i>Changes during the period</i>		Dư nợ cuối kỳ <i>Closing balance</i>	
	Giá trị (VND) <i>Value (VND)</i>	Tỷ trọng <i>Percentage</i>	Giá trị (VND) <i>Value (VND)</i>	Tỷ trọng <i>Percentage</i>	Giá trị (VND) <i>Value (VND)</i>	Tỷ trọng <i>Percentage</i>
b) Quỹ đầu tư <i>/Investment funds</i>	100,000,000,000	10.40%	-	-	100,000,000,000	10.40%
c) Công ty chứng khoán/ <i>Securities companies</i>	260,000,000,000	27.05%	-	-	260,000,000,000	27.05%
d) Công ty Bảo hiểm/ <i>Insurance companies</i>	50,000,000,000	5.20%	-	-	50,000,000,000	5.20%
đ) Các tổ chức khác/ <i>Other organisations</i>	551,202,000,000	57.35%	-	-	551,202,000,000	57.35%
2. Nhà đầu tư cá nhân/ <i>Individual investors</i>	38,798,000,000	3.88%	-	-	38,798,000,000	3.88%
II. Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investors</i>						
1. Nhà đầu tư có tổ chức/ <i>Institutional investors</i>						
a) Tổ chức tín dụng/ <i>Credit institutions</i>						
b) Quỹ đầu tư/ <i>Investment funds</i>						
c) Công ty chứng khoán/ <i>Securities companies</i>						

Loại Nhà đầu tư <i>Type of investors</i>	Dư nợ đầu kỳ <i>Opening balance</i>		Thay đổi trong kỳ <i>Changes during the period</i>		Dư nợ cuối kỳ <i>Closing balance</i>	
	Giá trị (VND) <i>Value (VND)</i>	Tỷ trọng <i>Percentage</i>	Giá trị (VND) <i>Value (VND)</i>	Tỷ trọng <i>Percentage</i>	Giá trị (VND) <i>Value (VND)</i>	Tỷ trọng <i>Percentage</i>
d) Công ty Bảo hiểm/ <i>Insurance companies</i>						
đ) Các tổ chức khác/ <i>Other organisations</i>						
2. Nhà đầu tư cá nhân/ <i>Individual investors</i>						
Tổng/Total	1,000,000,000,000	100.00%	0	0.00%	1,000,000,000,000	100.00%

* Tổ chức tín dụng bao gồm: ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân/*Credit institutions include: commercial banks, finance companies, financial leasing companies, microfinance institutions, people's credit funds.*

Nơi nhận:
Recipients:
- Như trên;
- Lưu: Văn thư, BP.LKCK

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU
CONFIRMATION OF THE BOND ISSUER

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
(*Sign, full name and seal*)



Hoàng Đức Long
GIÁM ĐỐC KHỐI